TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29/9/2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Ông Nguyễn Trường Hải;

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 127/2025/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Quốc S, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà T và ông Phạm Quốc S chung sống với nhau từ năm 1999, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai). Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải nhau, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung, ông S không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình, hiện tại đã sống ly thân với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà T xin ly hôn với ông Phạm Quốc S.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là Phạm Nhật T1, sinh năm 1999 và Phạm Nhật H, sinh năm 2002, các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Quốc S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông Phạm Quốc S vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị T đối với ông Phạm Quốc S; về con chung: Các con chung là Phạm Nhật T1, sinh năm 1999 và Phạm Nhật H, sinh năm 2002 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về thủ tục tố tụng, về nội dung vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phạm Quốc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Phạm Quốc S là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai) nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cải nhau, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung, ông S không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình, hiện tại đã sống ly thân với nhau. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét ý kiến của bị đơn.

[4] Theo biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Bà Lê Thị T và ông Phạm Quốc S chung sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải nhau, hiện tại đã sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn bà T và bị đơn ông S đã trầm trọng, không còn chung sống với nhau được nữa. Tòa án nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm hòa giải đoàn tụ cho ông bà nhưng ông S đều vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn và cũng không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện nay, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân với nhau và nguyên đơn không muốn quay về chung sống với bị đơn. Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Phạm Nhật T1, sinh năm 1999 và Phạm Nhật H, sinh năm 2002, các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T đối với bị đơn ông Phạm Quốc S về việc “ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Phạm Quốc S.

2. Về con chung: Các con chung Phạm Nhật T1, sinh năm 1999 và Phạm Nhật H, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án 0003009 ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Minh Lập, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước (nay là xã Nha Bích, tỉnh Đồng Nai) (số 08, quyển số 01 ngày 03/6/1999);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Khoa